

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG THÀNH  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2020/HS-ST  
Ngày: 29/6/2020.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tấn Cảnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* + Ông Nguyễn Văn Ba

+ Bà Lý Thị Bạch Tuyết

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Võ Quốc Hoàn- Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:***

Bà Vũ Thị Huyền- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 67/2020/TLST- HS ngày 11 tháng 5 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2020/QĐXXST- HS ngày 15 tháng 6 năm 2020, đối với các bị cáo:

1- Nguyễn Văn H, sinh năm: 2000, tại Đăk L. Nơi cư trú: Thôn 1, xã Ea R, huyện M'Đ, tỉnh Đăk L; chỗ ở hiện nay: Khu Phước H, thị trấn Long T, huyện Long T, tỉnh Đồng N; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Võ Thị T; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; bị bắt ngày 28/02/2020.

2- Nguyễn Văn K, sinh năm: 1998, tại Kiên G. Nơi cư trú: Ấp Cây G, xã Vân Khánh T, huyện An M, tỉnh Kiên G; chỗ ở hiện nay: Khu Phước H, thị trấn Long T, huyện Long T, tỉnh Đồng N; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh Đ và bà Lê Thúy H; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; bị bắt ngày 28/02/2020. Bị cáo chung sống cùng hộ ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị L là hộ cận nghèo năm 2020 (Giấy chứng nhận số 2730/GCN ngày 01/01/2020)

(Các bị cáo có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn K* (Đối tượng thuộc diện trợ giúp pháp lý): Bà Nguyễn Ngọc H- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp

lý Nhà nước tỉnh Đồng Nai.

(Quyết định về việc cử Trợ giúp viên pháp lý tham gia tố tụng số 92/QĐ-TTGT ngày 15/5/2020). (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Bá L, sinh năm 1994;  
Cư trú tại: xã Khánh T, huyện U M, tỉnh Cà M.

Chỗ ở hiện nay: Khu Phước H, thị trấn Long T, huyện Long T, tỉnh Đồng N.  
(Vắng mặt)

- *Người làm chứng*: Chị Lương Thị Hồng N, sinh năm: 2000. (Vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn K là bạn bè cùng ở chung phòng trọ với Nguyễn Bá L và Lương Thị Hồng N tại tổ 1, khu Phước H, Thị trấn Long T, huyện Long T, tỉnh Đồng N. Ngày 27/02/2020, K nhờ một người bạn tên P (không rõ nhân thân, lai lịch) mua hộ 200.000 đồng ma túy, K cất giấu trong người. Lúc 22 giờ 40 phút ngày 28/02/2020, H gọi điện cho một người tên T (không rõ nhân thân, lai lịch) để mua ma túy, T hẹn H đến Công ty Đồng Tiến thuộc khu Phước H, Thị trấn Long T, huyện Long T, tỉnh Đồng N để giao ma túy. H điều khiển xe mô tô biển số 69H1-291.84 chở K đến gặp T, H đưa T 250.000 đồng và T giao cho H 01 gói ma túy rồi mang về phòng trọ. Đến 23 giờ 30 phút cùng ngày, tại phòng trọ ở tổ 1, khu Phước H, thị trấn Long T. H và K chuẩn bị sử dụng ma túy thì Công an thị trấn Long Thành đến kiểm tra hành chính, H liền giấu “nỏ thủy tinh” trên cửa sổ trong phòng vệ sinh, số ma túy còn lại H giấu vào gói thuốc lá hiệu Jet để trong phòng ngủ. Qua kiểm tra, phát hiện ngoài số ma túy mà H đã giấu, còn phát hiện trong túi quần Jean phía trước bên phải của Nguyễn Văn K có một gói nylon bên trong chứa tinh thể màu trắng nên Công an thị trấn Long Thành lập biên bản phạm tội quả tang cùng vật chứng chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành xử lý theo thẩm quyền.

Tại Bản kết luận giám định số 419/KLGD-PC09 ngày 05/3/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận: Mẫu 01 (một) cục tinh thể màu trắng (Kí hiệu M11) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 0,1034 gam loại Methamphetamine; Mẫu tinh thể màu trắng (Kí hiệu M12) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 0,1125 gam loại Methamphetamine. Tổng khối lượng ma túy Nguyễn Văn H tàng trữ là 0,2159 gam Methamphetamine.

Tại Bản kết luận giám định số 419/KLGD-PC09 ngày 05/3/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng (ký hiệu

M2) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, số ma túy do K tàng trữ có khối lượng 0,1514 gam loại Methamphetamine.

Tại Cáo trạng số: 87/CT-VKSLT ngày 04 tháng 5 năm 2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn K về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn K về tội danh, khung hình phạt, Điều luật áp dụng như bản Cáo trạng đã nêu, đồng thời đề nghị;

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H mức án từ 12 (mười hai) tháng đến 14 (mười bốn) tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn K mức án từ 12 (mười hai) tháng đến 14 (mười bốn) tháng tù.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy 01 gói mẫu vật đã được niêm phong chứa ma túy được hoàn lại sau khi giám định số 419/ KLGD-PC09; 01 nỏ thủy tinh (dụng cụ sử dụng ma túy đá).

- 01 điện thoại di động màu vàng đen, số thuê bao 0933.982.723, không rõ số Emei, H sử dụng liên lạc với người đàn ông tên T để mua ma túy. Đề nghị Tòa án tuyên tịch thu xung quỹ Nhà nước.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã mô tả, các bị cáo không có ý kiến gì.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo K: Người bào chữa cho bị cáo K đã nêu nguyên nhân, điều kiện bị cáo phạm tội, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và đưa ra các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51, khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo K, cho bị cáo được hưởng mức án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn K đã khai nhận hành vi phạm tội. Các bị cáo khai nhận lúc 23 giờ 30 phút ngày 28/02/2020 tại phòng trọ của Lương Thị Hồng N ở tổ 1, khu Phước H, Thị trấn Long T, huyện Long T, tỉnh Đồng N; Nguyễn Văn K có hành vi tàng trữ 0,1514 gam ma túy loại

Methamphetamine, Nguyễn Văn H có hành vi tàng trữ 0,2159 gam ma túy loại Methamphetamine thì bị phát hiện bắt quả tang. Lời khai nhận của bị cáo trùng khớp lời khai ban đầu, lời khai người làm chứng cùng các chứng cứ khác được thu thập có tại hồ sơ vụ án.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn K đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Vì vậy, mức án bị cáo nhận lãnh phải thật nghiêm mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

*Về tình tiết tăng nặng:* Không có.

*Về tình tiết giảm nhẹ:* Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo H có ông Ngoại là người có công với Cách mạng (Liệt sỹ) nên giảm nhẹ phần nào mức hình phạt cho bị cáo theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo K cùng hộ khẩu với hộ ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị L là hộ cận nghèo năm 2020 nên được cân nhắc xem xét cho bị cáo.

Quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc đánh giá tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và có căn cứ pháp luật nên được chấp nhận.

Đối với Nguyễn Bá L và Lương Thị Hồng N không biết H, K tàng trữ trái phép chất ma túy nên không xử lý.

Đối với tên T có hành vi bán ma túy cho H và tên P có hành vi bán ma túy cho K hiện chưa rõ lai lịch, địa chỉ? Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Lời trình bày của người bào chữa cho bị cáo K: Đã nêu nguyên nhân, điều kiện bị cáo phạm tội, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Đối với ý kiến đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Áp dụng khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án treo là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[3] Về tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều đảm bảo, phù hợp với quy định của pháp

luật tố tụng Hình sự; các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ.

[4] Biện pháp tư pháp:

Xử lý vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy 01 gói mẫu vật chứa ma túy được hoàn lại sau giám định đã được niêm phong số 419/PC09-GĐMT cùng 01 nỏ thủy tinh (dụng cụ sử dụng ma túy).

- 01 điện thoại di động màu vàng đen, số thuê bao 0933.982.723, của bị cáo H sử dụng liên lạc để mua ma túy. Do đó, tịch thu xung vào ngân sách Nhà nước.

(Vật chứng nêu trên Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành đang tạm giữ, tại biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 07/5/2020).

Đối với 01 điện thoại di động màu đen, số thuê bao 0353.960.700, số Emei 867458031091 của bị cáo Nguyễn Văn K và 01 điện thoại di động màu hồng, số thuê bao 0379.551.179, số Emei 359463083376118 của Nguyễn Văn H, không liên quan đến việc phạm tội. Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành đã trả lại cho các bị cáo K và H (BL: 107, 108).

Đối với 01 xe mô tô biển số 69H1-291.84, số khung 2511KY012022, số máy KF26E0097151, do Nguyễn Bá L là chủ sở hữu. L để ở phòng trọ cho H và K sử dụng làm phương tiện đi lại, L không biết H và K sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành cũng đã trả lại cho Nguyễn Bá L (BL: 106).

[5] Về án phí:

Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn K mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 269, Điều 298, Điều 299, Điều 326, Điều 327, Điều 329, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn K phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự;

1- Về hình phạt:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 28/02/2020.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn K 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 28/02/2020.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy mẫu vật còn lại sau giám định **đã được niêm phong số 419/PC09-GĐMT và 01 nỏ thủy tinh.**

(Vật chứng nêu trên Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành đang tạm giữ, tại biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 07/5/2020).

2- Về án phí:

Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn K mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3- Quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Long Thành;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Công an huyện Long Thành;
- Cơ quan thi hành án;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Tấn Cảnh**